代表チームと連絡ネットワーク

Đội ngũ đại diện & Mạng lưới kết nối



チャン・バン・トン（会長）- コミュニティの統括と行政連携



フック（副会長・監査役）- 家族・教育支援



キン・トアイ（会計）- 財務と生活相談



グエン・ - 翻訳・実務サポート

VNK - Kariyaにおけるベトナム・日本の共生への架け橋

VNK – Nhịp cầu Cộng sinh Việt - Nhật tại Kariya

- **政策対話：出入国在留管理庁 × ベトナム人コミュニティVNK**

  Đối thoại Chính sách: Cục Quản lý Xuất nhập cảnh & Cộng đồng người Việt VNK

- **刈谷市に暮らす約1,400人のベトナム人の声を届ける**

  Đại diện tiếng nói của khoảng 1.400 người Việt sinh sống tại Kariya



刈谷市当局との信頼構築の秘訣

Bí quyết xây dựng lòng tin với Chính quyền Kariya



課題発生時だけでなく、日常的なコミュニケーションを維持する

Duy trì liên lạc thường xuyên, không chỉ khi phát sinh vấn đề

翻訳支援、学校行事、事、地域イベントへの積極的な参加

Tích cực tham gia hỗ trợ phiên dịch, sự kiện trường học và địa phương

行政を「支援者」ではなく「課題解決のパートナー」として捉える

Coi chính quyền là "đối tác giải quyết vấn đề" thay vì chỉ là "người hỗ trợ"

共生の理念：尊重と適応

Triết lý cộng sinh: Tôn trọng & Thích nghi

- **日本の法律、ゴミ出しのルール、生活マナーの厳守を啓発**

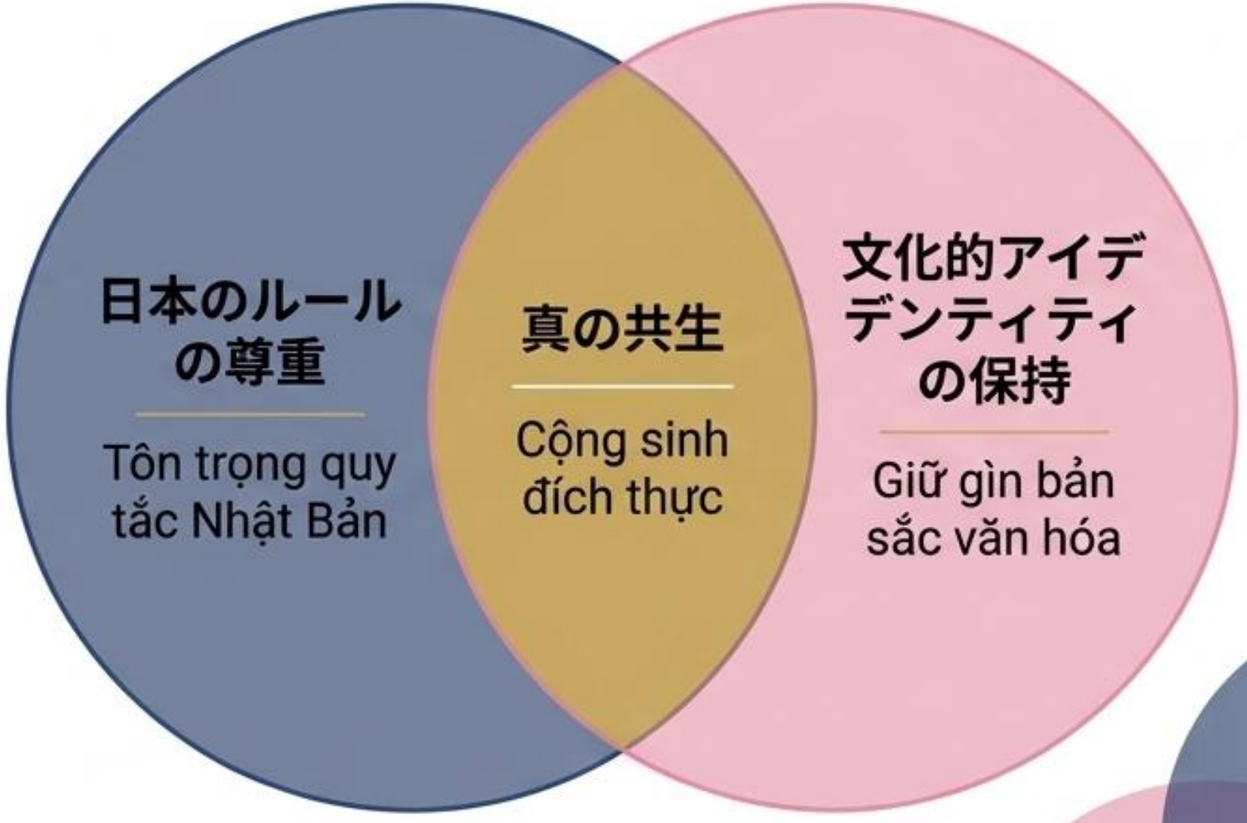
  Tuyên truyền tuân thủ pháp luật, quy tắc đổ rác và văn hóa ứng xử Nhật Bản

- **同化ではなく、互いの違いを尊重し合う社会の構築**

  Xây dựng xã hội tôn trọng sự khác biệt, không phải là sự đồng hóa

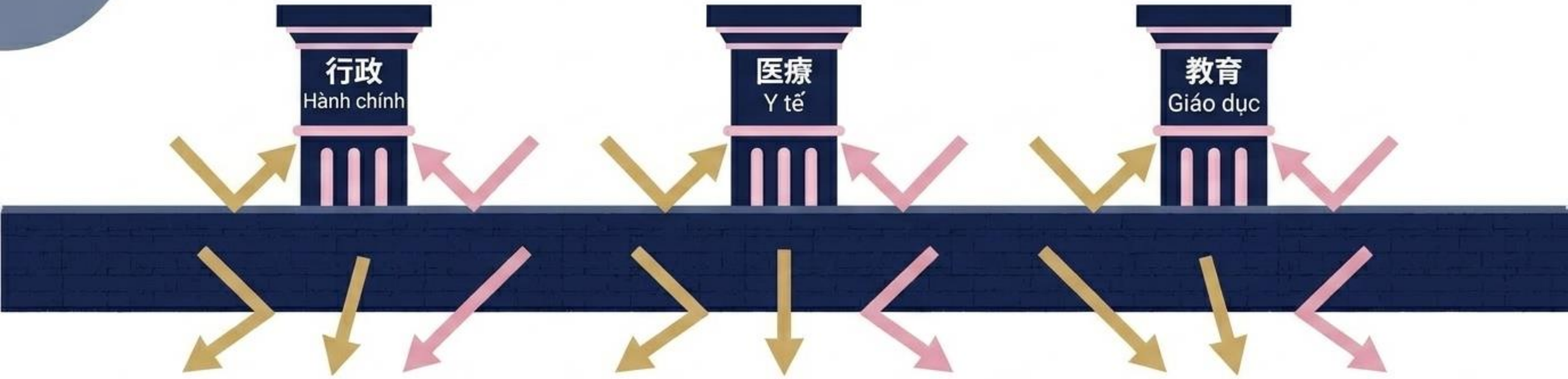
- **次世代のための母語（ベトナム語）と日本文化のハイブリッド教育**

  Giáo dục song ngữ (tiếng Việt) và văn hóa Nhật Bản cho thế hệ tương lai



公的サービスにおける言語の壁

Rào cản ngôn ngữ trong dịch vụ công



行政手続きの複雑さと多言語情報の圧倒的な不足

Thủ tục hành chính phức tạp và sự thiếu hụt trầm trọng thông tin đa ngôn ngữ

病院での症状説明や予約システムが利用できない不安

Lo lắng khi không thể giải thích triệu chứng hoặc đặt lịch khám tại bệnh viện

学校からの配布物が理解できず、子供の教育サポートが困難

Khó khăn trong việc hỗ trợ giáo dục con cái do không hiểu thông báo từ trường

提案：「生きるための学習」日本語プログラム

Đề xuất: Chương trình tiếng Nhật "Học để sống"



対象：仕事を持つ大人。週末や夜間にオンラインと対面を組み合わせて実施

Đối tượng: Người đi làm. Tổ chức cuối tuần/buổi tối, kết hợp trực tiếp và online



費用：低価格または無料。初期段階では母語によるサポートを導入

Chi phí: Thấp hoặc miễn phí. Có hỗ trợ bằng tiếng mẹ đẻ trong giai đoạn đầu



内容：抽象的な文法ではなく、生活、病院、学校、防災の実用的な会話

Nội dung: Giao tiếp thực tế về đời sống, bệnh viện, trường học, phòng chống thiên tai

実践的な効果による能力評価

Đánh giá năng lực qua hiệu quả thực tế

ペーパーテスト（JLPT）
Bài thi giấy (JLPT)



評価: 試験スコア（N1-N5）
Đánh giá: Điểm số thi (N1-N5)

生活タスク
Kỹ năng sinh hoạt



評価: 実際のタスク遂行能力
Đánh giá: Khả năng thực hiện nhiệm vụ thực tế

JLPT（日本語能力試験）のスコアだけでは、生活力は測れない

Điểm số JLPT không phản ánh đầy đủ năng lực sinh hoạt thực tế



評価基準1：自分で病院の予約電話をかけられるか

Tiêu chí 1: Có thể tự gọi điện đặt lịch khám bệnh hay không



評価基準2：学校からの通知を読み、適切な対応ができるか

Tiêu chí 2: Có thể đọc hiểu và xử lý các thông báo từ trường học hay không



ビザ手数料値上げによる経済的圧力

Áp lực tài chính từ việc tăng phí Visa



物価高騰の中で、ビザ更新手数料の大幅な引き上げは致命的な打撃

Giữa bối cảnh bão giá, việc tăng mạnh phí gia hạn visa là một đòn giáng nặng nề

日本での長期滞在と貢献を望む標準的な家族にとっての大きな障壁

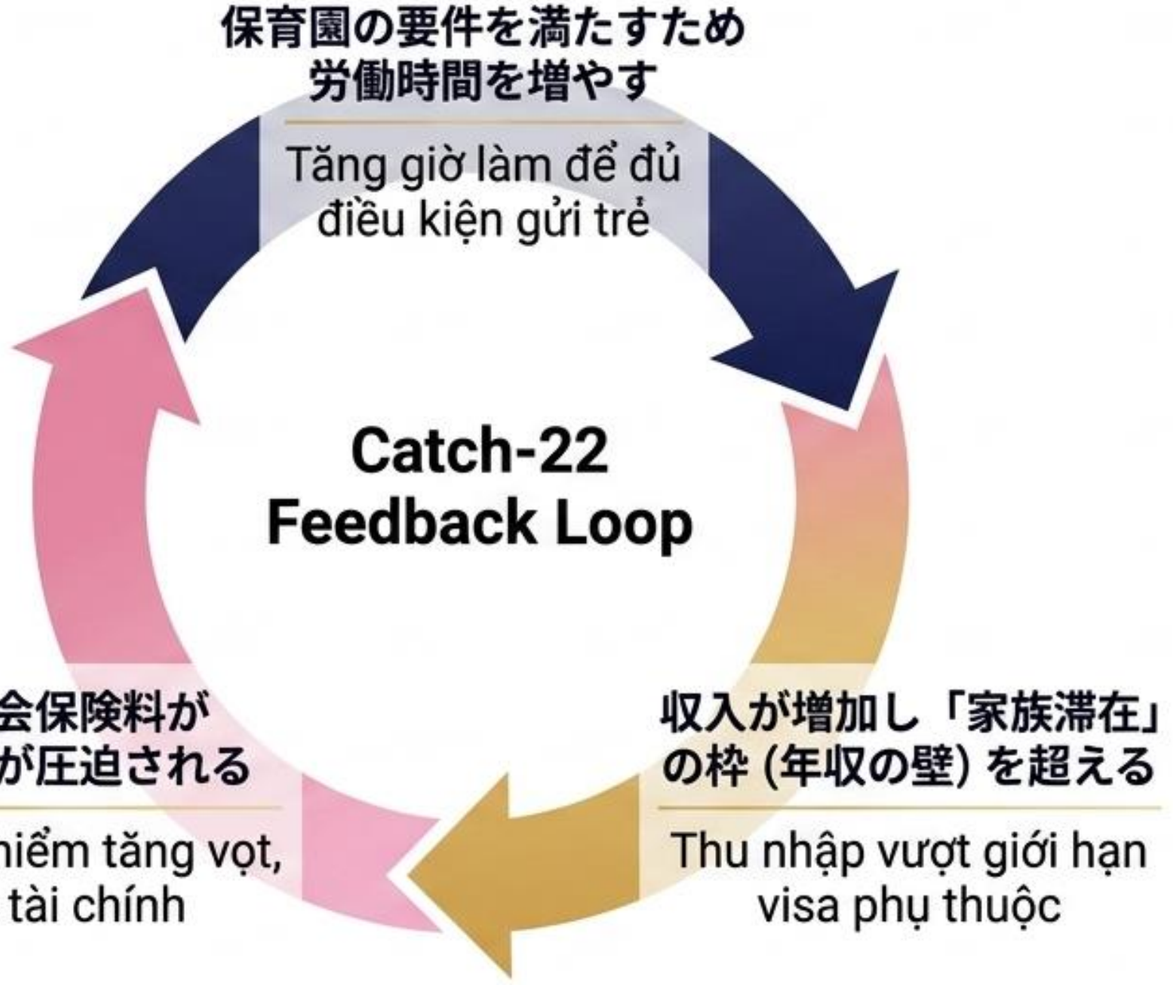
Rào cản lớn đối với các gia đình tiêu chuẩn mong muốn gắn bó và cống hiến lâu dài

適法に暮らす労働者の「日本離れ」を引き起こすリスク

Nguy cơ gây ra làn sóng "rời bỏ Nhật Bản" của lực lượng lao động hợp pháp

家族ビザと収入のパラドックス

Nghịch lý Visa gia đình & Thu nhập



保育園に預けるため、労働時間を増やす必要がある

Cần tăng giờ làm để đủ điều kiện gửi con đi nhà trẻ

しかし、収入が増えると「家族滞在」の扶養枠を超え、税金・保険料が急増

Nhưng thu nhập tăng sẽ vượt mức phụ thuộc của visa gia đình, kéo theo gánh nặng thuế/bảo hiểm

働けば働くほど生活が苦しくなる構造的な罠

Cái bẫy cấu trúc: Càng làm việc chăm chỉ, cuộc sống càng trở nên khó khăn

外国にルーツを持つ子供たちへの教育支援

Hỗ trợ giáo dục cho trẻ em gốc nước ngoài



- **親の言語の壁が、子供の教育機会の喪失に直結している**

  Rào cản ngôn ngữ của cha mẹ ảnh hưởng trực tiếp đến cơ hội giáo dục của con cái

- **特に発達障害や支援を必要とする子供を持つ家族への手厚いサポートが必要**

  Cần hỗ trợ đặc biệt cho gia đình có trẻ tự kỷ, khuyết tật phát triển

- **学校と保護者を結ぶ多言語通訳・相談員の拡充が急務**

  Cấp thiết mở rộng mạng lưới phiên dịch viên/tư vấn viên kết nối nhà trường và phụ huynh

コミュニティ内の孤立の解消

Xóa bỏ cô lập trong cộng đồng

1. **育児中の母親や来日直後の労働者が抱える深い孤独感**

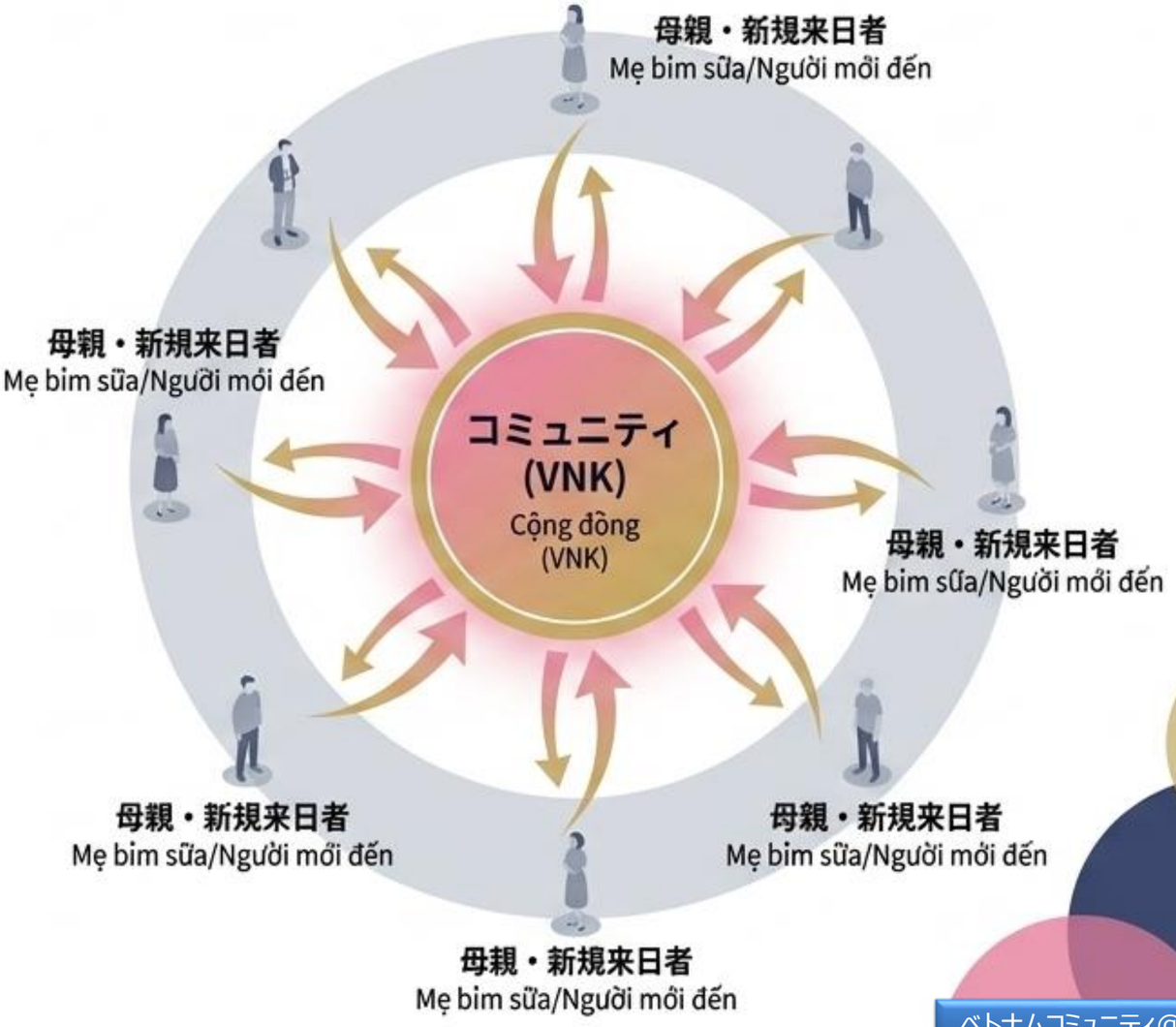
   Sự cô đơn sâu sắc của các bà mẹ bỉm sữa và người lao động mới sang Nhật

2. **言語の壁と人間関係の欠如が、精神的孤立を加速させる**

   Rào cản ngôn ngữ và thiếu thốn các mối quan hệ đẩy nhanh sự cô lập tinh thần

3. **母語で安心できる交流の場と、精神的サポートネットワークの構築**

   Xây dựng không gian giao lưu an toàn bằng tiếng mẹ đẻ và mạng lưới hỗ trợ tinh thần



排外主義に対するコミュニティイメージの保護

Bảo vệ hình ảnh cộng đồng trước bài ngoại



一部の犯罪報道を利用した排外主義的な政治的アピールに対する深い懸念

Quan ngại sâu sắc trước các luận điệu chính trị bài ngoại lợi dụng một số vụ án đơn lẻ

善良で法律を遵守する多数の外国人住民の精神的負担と不公平感

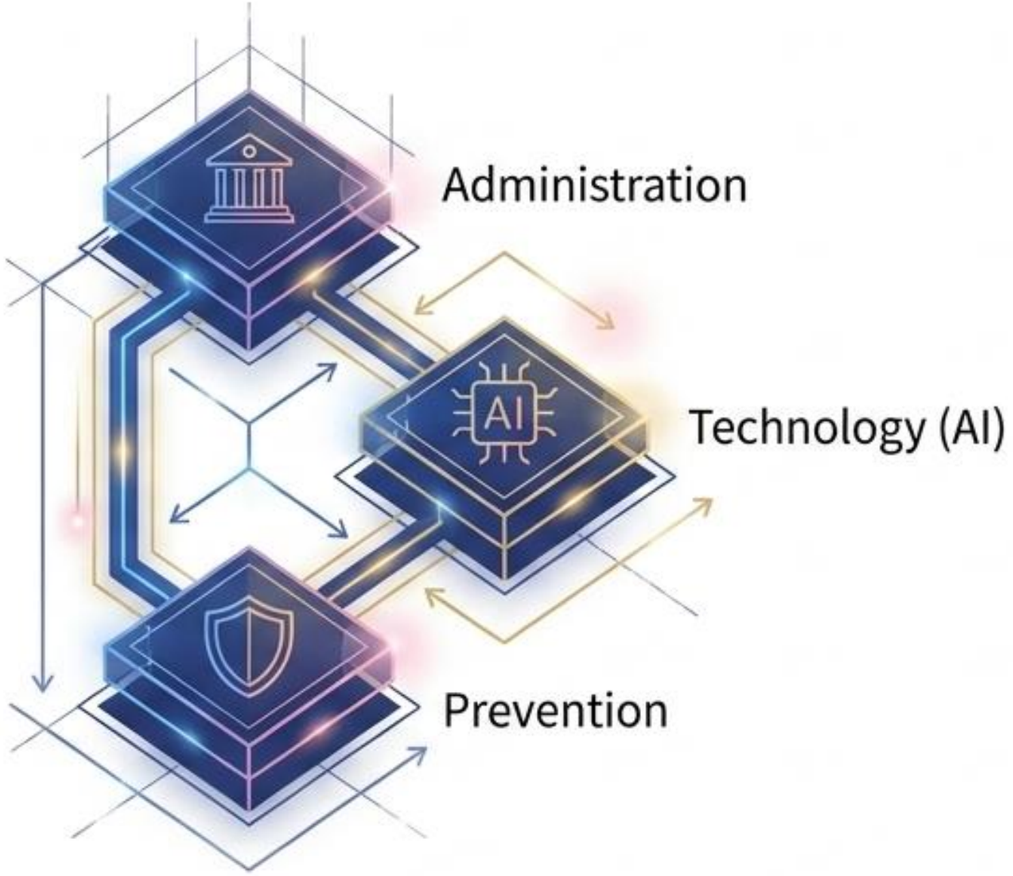
Gánh nặng tâm lý và sự bất công đối với đa số cư dân nước ngoài lương thiện, tôn trọng pháp luật

日本の学校に通う子供たちが差別されないための社会全体の意識改革

Thay đổi nhận thức toàn xã hội để trẻ em gốc nước ngoài không bị phân biệt đối xử tại trường học

提言1：多言語情報の透明化

Kiến nghị 1: Minh bạch thông tin đa ngôn ngữ



医療、学校、行政の重要書類の多言語化（やさしい日本語とベトナム語を含む）

Đa ngôn ngữ hóa (bao gồm tiếng Nhật đơn giản và tiếng Việt) các giấy tờ y tế, giáo dục, hành chính

アプリやAIを活用した、24時間アクセス可能な多言語相談窓口の設置

Thiết lập cổng tư vấn đa ngôn ngữ 24/7 ứng dụng công nghệ và AI

情報が届かないことによる「意図しないルール違反」を防ぐ仕組みづくり

Xây dựng cơ chế phòng ngừa "vi phạm quy tắc ngoài ý muốn" do thiếu hụt thông tin

提言2：安定した在留支援政策

Kiến nghị 2: Chính sách hỗ trợ cư trú ổn định



Equilibrium for Sustainable Coexistence

ビザ関連手数料の引き上げ幅の再考、または低所得家庭への減免措置

Xem xét lại mức tăng phí Visa, hoặc có chính sách giảm miễn cho gia đình thu nhập thấp

「年収の壁」と「家族滞在ビザ」の矛盾を解消する柔軟な就労要件の緩和

Nới lỏng điều kiện làm việc để giải quyết nghịch lý giữa “bức tường thu nhập” và “Visa gia đình”

日本社会の持続的な発展に寄与する人材として、外国人労働者を定着させる制度設計

Thiết kế chế độ giữ chân người lao động nước ngoài như một nguồn nhân lực đóng góp cho sự phát triển bền vững của Nhật Bản

結論：持続可能な未来を共に築く

Kết luận: Cùng xây dựng tương lai bền vững



VNKは、今後も刈谷市と協力し、より良い地域社会への貢献を約束します

VNK cam kết tiếp tục đồng hành cùng Kariya, đóng góp cho một cộng đồng tốt đẹp hơn

出入国在留管理庁の皆様のご理解と、実情に即した柔軟な政策決定を期待します

Mong Cục Quản lý Xuất nhập cảnh thấu hiểu và đưa ra những quyết sách linh hoạt, sát với thực tiễn

日本人と外国人が共に支え合い、共に成長する「真の共生社会」の実現へ

Hướng tới hiện thực hóa "Xã hội cộng sinh đích thực", nơi người Nhật và người nước ngòi cùng hỗ trợ và phát triển

VNK-Hội Người Việt TP Kariya-Aichi

Nhóm Công khai · 1,4K thành viên

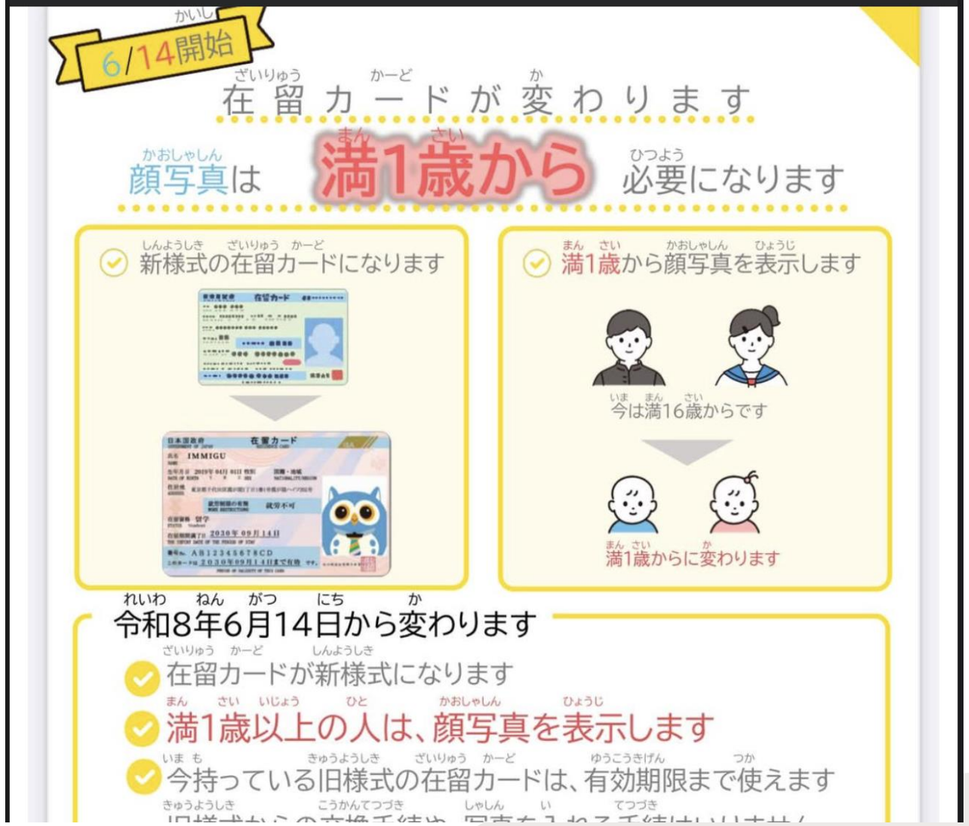
Người đóng góp nổi bật · + Thêm chủ đề · 19 tháng 6 lúc 12:45 ·

‼️ Thay đổi về hình ảnh trên thẻ ngoại kiều của trẻ em từ 1 tuổi ‼️

Từ ngày 14/6/2026 khi gia hạn hoặc cấp mới thẻ ngoại kiều cho trẻ em từ 1 tuổi sẽ cần có dán ảnh lên thẻ. Thay vì lúc trước không cần.

Mọi người lưu ý thông tin khi xin thẻ ngoại kiều nhé!

Xem thêm



VNK-刈谷市の情報共有
Đang hoạt động

国際交流協会のイベントの案内です。
興味がありそうな知り合いにも知らせてもらえたら嬉しいです！

09:55 11 Tháng 6, 2026

ご展開ありがとうございます。SNSに投稿して参加者を募集します！

18:00 T3

在留カードについて.pdf
480,36 KB

令和8年6月14日から、在留カードの様式が変わり、満1歳から顔写真が必要になります。現在お持ちの在留カードは、有効期限まで使用できます。
よかったらFacebookなどで、情報発信してください。

お願いしたいことがあります。

これから送るベトナム語のチラシについて、日本語から翻訳ができているか教えてもらえないでしょうか？

ベトナム語チラシ.pdf
500,45 KB

日本語チラシ.pdf
349,68 KB